

QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Đỗ Xuân Trường*

Trong quá trình sắp xếp lại sản xuất doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), ngân hàng là người bạn đồng hành cùng tồn tại và gắn bó cùng doanh nghiệp. Vốn tín dụng ngân hàng tham gia trong tất cả các khâu quá trình tái sản xuất; cùng với vốn tự có của doanh nghiệp; lao động con người và đối tượng lao động; Tín dụng ngân hàng đã góp phần không nhỏ giúp các doanh nghiệp vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đứng vững trong cơ chế thị trường; nhiều doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo, chủ lực trong nền kinh tế quốc dân; các DNNN đã sản xuất ra khối lượng hàng hóa dịch vụ lớn về số lượng, phong phú chất lượng, chủng loại và mẫu mã, chất lượng ngày càng nâng cao bước đầu thay thế được nhiều loại hàng nhập khẩu, đồng thời tăng xuất khẩu, mở rộng thị trường ra hầu hết các nước trên thế giới.

Từ thực tiễn cho thấy, trong số các doanh nghiệp có dư nợ vay ngân hàng thương mại (NHTM), có khoản nợ thì còn trong hạn, có khoản thì đã đến hạn, hoặc có khoản thì còn tồn đọng từ nhiều năm nay vẫn chưa được giải quyết, mỗi loại hình doanh nghiệp số dư nợ vay ngân hàng phản ánh thực trạng khác nhau; đặc biệt có những doanh nghiệp khó khăn kéo dài. Cần phải xử lý, giải quyết các khoản nợ tồn đọng để tăng thêm khối lượng tiền trong lưu thông quay vòng qua quỹ ngân hàng; với mục tiêu không để tài sản và vốn nằm chết đang là gánh nặng cho doanh nghiệp. Những trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính khi tiến hành, sắp xếp cổ phần hóa được biểu hiện trên một số mặt dưới đây:

1/ Sản xuất kinh doanh thua lỗ từ những năm trước đây còn để lại (lỗ lũy kế), trong đó có số dư nợ vay ngân hàng (nợ gốc và lãi còn tồn đọng khó có khả năng trả nợ).

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến khó khăn về tài chính trong các doanh nghiệp như quản lý yếu kém hoặc do giá cả trên thị trường thế giới biến động hoặc đầu tư vào các dây truyền máy móc thiết bị không phát huy hiệu quả kinh tế nên sản phẩm sản



Ngân hàng liên doanh Việt Thái chi nhánh Sài Gòn xuất ra không được thị trường chấp nhận. Tình hình này thường xuất hiện ở các loại hình doanh nghiệp như: kinh doanh và chế biến lương thực, thực phẩm; kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ; các doanh nghiệp trong ngành giao thông vận tải....

Ví dụ điển hình của một doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ xi măng như sau: Kể từ khi thành lập tháng 12/1994 đến nay, vốn lưu động chỉ được cấp 2,4 tỷ đồng xấp xỉ bằng 4% trên tổng số vốn kinh doanh, sản xuất ra sản phẩm tiêu thụ chậm, tồn kho lớn. Doanh nghiệp đã tìm mọi biện pháp sắp xếp lại tổ chức sản xuất và tiến hành đầu tư đổi mới công nghệ và cải tạo thiết bị cũ, xây dựng mới nhằm tăng công suất của nhà máy trên cơ sở đó đẩy mạnh bán ra, tăng cường tiếp thị quảng bá sản phẩm. Tuy nhiên, việc thanh toán tiền vay dài hạn ngân hàng và trượt giá ngoại tệ quá cao chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Mặc dù doanh

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ()*

ngành đã thực hiện nhiều giải pháp trong tiết kiệm chi phí để hạ giá thành sản phẩm nhưng sản phẩm sản xuất ra vẫn không được thị trường ưa chuộng, công suất thiết kế trong những năm vừa qua mới đạt 60 - 70%, nên kinh doanh thua lỗ. Từ những nguyên nhân trên nên công ty không có khả năng trả nợ ngân hàng đúng hạn.

Hạch toán tình hình sản xuất như sau:

- Giá thành sản xuất xi măng năm 2003 thực tế là: 552.038 đồng/tấn (đã tính đầy đủ lãi tiền vay và trượt giá ngoại tệ, khấu hao cơ bản) nhưng giá bán bình quân là 542.740 đồng (chưa có VAT). Như vậy, cứ 1 tấn xi măng lỗ 28.198 đồng.

- Tổng dư nợ vay (VND) đến 31/12/2002 là: 45 tỷ 128 triệu đồng.

- Tổng dư nợ bằng ngoại tệ là: 2.009.085USD

- Tổng lãi tiền vay dài hạn chưa trả là: 37 tỷ 189 triệu đồng. (Số nợ gốc và lãi vay đến nay vẫn chưa có khả năng hoàn trả).

Doanh nghiệp đề nghị:

1/ Khoanh nợ gốc.

2/ Xóa tiền vay dài hạn chưa trả NHTM là: 37 tỷ 189 triệu đồng.

3/ Xóa nợ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ nhập thiết bị từ năm 1998 đến năm 2002 là 9 tỷ 845 triệu đồng.

Trong đó của:

- NHTM A là: 7 tỷ 188 triệu đồng.

- NHTM B là: 2 tỷ 657 triệu đồng.

Vấn đề đặt ra trên đây, tình hình tài chính khó khăn không chỉ với doanh nghiệp sản xuất xi măng nói trên và không phải ở một vài doanh nghiệp mà có rất nhiều doanh nghiệp đang trong quá trình sắp xếp lại sản xuất với những món nợ cũ còn tồn tại cần phải giải quyết để làm lành mạnh hóa tình hình tài chính trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp; có trường hợp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa thì giá trị tài sản của doanh nghiệp đã mất của các khoản nợ không có tài sản đảm bảo, không phù hợp với thực tế do tổng tài sản không chỉ hình thành bằng vốn vay ngân hàng mà hình thành bằng cả nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, giá trị tài sản để xác định khả năng thanh toán nợ phải trừ đi giá trị tài sản đó đem đi cầm cố, thế chấp.

- Đối với các doanh nghiệp, kể từ khi được ngân hàng cho khoanh nợ, đã phần nào giải quyết được những khó khăn trước mắt, có những doanh nghiệp tiếp tục đầu tư bằng nguồn vốn khấu hao và các nguồn vốn vay ngân hàng để đổi mới máy móc thiết bị nhằm tăng thêm năng lực sản xuất để nâng

cao chất lượng sản phẩm, cạnh tranh được thị trường và kết quả đó ngăn chặn được lỗ phát sinh, sản xuất kinh doanh đó bắt đầu có lãi. Nhưng ngược lại, có những doanh nghiệp sau thời gian khoanh nợ từ 3 đến 5 năm, đến nay đã hết thời hạn khoanh nợ nhưng vẫn khó khăn, nợ cũ chưa trả hết, nợ mới phát sinh. khó khăn không chỉ cho doanh nghiệp mà còn cho cả ngân hàng.

2/ Tình hình nợ khó đòi tồn đọng trong doanh nghiệp đang là vấn đề khá nan giải.

Nợ phải thu trong doanh nghiệp là phản ánh số nợ mà doanh nghiệp bán hàng ra hoặc cho vay, tạm ứng ra cho khách hàng hoặc nội bộ nhưng chưa thu hồi được vốn về, hay nói cách khác là bị người mua chiếm dụng vốn. Con số này càng lớn thì phản ánh doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn càng lớn và ngược lại; còn đối với nợ phải trả là phản ánh số nợ mà doanh nghiệp đi chiếm dụng của khách hàng trong đó có khoản đi vay vốn của các NHTM nhưng được hạch toán riêng, và phải trả lãi. Trong thực tế doanh nghiệp đi chiếm dụng của khách hàng thì không phải trả lãi, như vậy có những doanh nghiệp càng chiếm dụng được nhiều vốn thì càng có lợi trong kinh doanh.

Theo số liệu thống kê, tình hình nợ tồn đọng của các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động tại các địa phương và các tổng công ty là rất lớn đến thời điểm tháng 8 năm 2004: số nợ phải thu tồn đọng từ 31/12/2000 trở về trước là 7.337 tỷ đồng; nợ phải thu phát sinh trong 2 năm 2002 và 2003 là 1.499 tỷ đồng; đã được xử lý 792 tỷ 517 triệu đồng bằng 10,79% so với tổng số nợ phải thu khó đòi cần xử lý. Tuy nhiên, số nợ phải thu trong 3 năm lại có xu hướng tăng lên. Phần lớn số doanh nghiệp có số nợ phải thu khó đòi là các doanh nghiệp khó khăn về tài chính, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả nên không có nguồn để xử lý nợ. Nó phản ánh vốn của doanh nghiệp nằm chết, khó thu hồi. Nợ phải trả từ 31/12/2000 trở về trước là 2.811 tỷ đồng, đã xử lý trong 2 năm 2002, 2003 là 1.875 tỷ đồng bằng 66% tổng số nợ tồn đọng. Việc xử lý nợ cho các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, nợ đến hạn của các NHTM còn chậm, việc bán nợ và chuyển nợ thành vốn góp chưa thực hiện được nhiều.

Vấn đề đặt ra là phải hạn chế đến mức tối đa số vốn đi chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng, hạn chế các khoản nợ tồn đọng, đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động trong doanh nghiệp trên cơ sở đó hạn chế vốn đi vay của các NHTM, từ đó mới nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

Trong mối quan hệ ngân hàng - doanh nghiệp phải thấu suốt quan điểm NHTM cũng là doanh nghiệp kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ - tín dụng và dịch vụ ngân hàng nên cũng cần có nhiều biện pháp kinh doanh; cùng tạo lập chữ tín. Ngân hàng Nhà nước đã giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các NHTM nên việc cho vay mỗi doanh nghiệp cũng phải có sự lựa chọn, cân nhắc không thể cho vay tràn lan. Bởi lẽ nếu doanh nghiệp “chết” thì ngân hàng cũng sẽ “chết” theo và ngược lại, ngân hàng áp dụng cơ chế tín dụng bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, không phân biệt DNNN hay doanh nghiệp dân doanh; không một cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào quyền tự chủ kinh doanh của các tổ chức tín dụng. Ngân hàng Nhà nước không quy định buộc các ngân hàng chỉ cho vay 70% giá trị tài sản thế chấp. Việc cho vay tín chấp hay thế chấp phụ thuộc vào kết quả đánh giá độ tín nhiệm của doanh nghiệp đối với ngân hàng, nếu ngân hàng không cho vay tín chấp hoặc cho vay 100% giá trị tài sản thế chấp thì đó là quyền của NHTM.

Tuy nhiên, để giải quyết tốt mối quan hệ giữa ngân hàng và doanh nghiệp cần tránh hai khuynh hướng: Thứ nhất là, nếu như nặng về đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa DNNN mà xử lý các khoản nợ tồn đọng này không đến nơi đến chốn hoặc có xử lý nhưng vẫn không có nguồn bù đắp thì doanh nghiệp vẫn khó khăn và không giải quyết dứt điểm được những tồn tại. Thứ hai là nếu vì mục tiêu cổ phần hóa DNNN mà có lợi lớn cho nền kinh tế nước ta trong quá trình sắp xếp đổi mới DNNN, thì Nhà nước cần phải có nguồn kinh phí để hỗ trợ các doanh nghiệp và trong trường hợp này đối với bản thân doanh nghiệp cần tránh tư tưởng ỷ lại trông chờ vào sự chi viện của Nhà nước.

3/ Hướng xử lý các khoản nợ tồn đọng đối với các doanh nghiệp trong thời gian tới.

Từ tình hình thực tế trên đây, để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa DNNN, trong thời gian trước mắt về phía doanh nghiệp phải chủ động tổ chức lại sản xuất, tìm mọi biện pháp để nâng cao công suất thiết kế và hạ giá thành sản phẩm. Đối với khoản nợ vay NHTM, các doanh nghiệp báo cáo đề nghị:

Thứ nhất, các ngân hàng xem xét xử lý nợ vay theo Thông tư số 126 TT/BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển DNNN thành công ty cổ phần, tại điểm (C) mục B về xử lý tài chính; Đối với khoản nợ tồn đọng vay NHTM nhà nước và Quỹ hỗ trợ phát triển cụ thể như sau:

- Trường hợp bị lỗ, không thanh toán được khoản nợ quá hạn, doanh nghiệp làm thủ tục đề nghị khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với khoản nợ lãi vay chưa thanh toán (bao gồm cả lãi nhập gốc) được NHTM nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển xem xét xóa nợ với mức không vượt quá số lỗ còn lại (sau khi đã trừ đi các khoản nợ tồn đọng về thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước).

- Đối với các khoản nợ gốc quá hạn không được xóa thì xử lý: Doanh nghiệp làm đầy đủ thủ tục để chuyển giao cho công ty cổ phần kế thừa trả nợ; thỏa thuận với NHTM cho vay để chuyển nợ thành vốn góp cổ phần, hoặc phối hợp với NHTM cho vay và Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện xử lý nợ theo phương thức bán nợ cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp theo giá thỏa thuận.

Thứ hai: Về phía các cơ quan soạn thảo chính sách cần có quy định quy rõ trách nhiệm của người quản lý, điều hành doanh nghiệp trong việc để phát sinh, cũng như không xử lý các khoản nợ khó đòi, nợ phải trả, có các chế tài nghiêm khắc nếu không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quản lý và xử lý công nợ.

Thứ ba: Đối với trường hợp DNNN có nợ phải thu quá lớn không có khả năng thu hồi và không có khả năng xử lý được dẫn đến không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thì đại diện chủ sở hữu cần có biện pháp chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

Thứ tư: các NHTM cần chủ động tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại DNNN có vay vốn ngân hàng với vai trò là chủ nợ, phù hợp với chính sách và giải pháp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ DNNN theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ IX Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX. Việc xử lý vốn vay và cho vay mới đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Pháp luật về DNNN (Giao, bán, khoán, cho thuê, cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản.)

Để nâng cao vai trò chủ đạo của DNNN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta trong những năm tới và đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa DNNN thì một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu là phải giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng, tạo thế cho doanh nghiệp đi lên để phát triển một cách vững chắc ■